

Số: 03/2021/QĐST-HNGĐ

H, ngày 05 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 36, Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 771 /2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu: Anh Nguyễn Quế A – sinh năm 198x**

HKTT và Trú tại: Số x phố 34x (nay là phố N), phường Đ, quận H, thành phố H

***Người cùng yêu cầu: Chị Nguyễn Thị Thu B – sinh năm 198x**

HKTT: Số x phố 34x (nay là phố N), phường Đ, quận H, thành phố H

Trú tại: P18xx tòa N0x Chung cư 8x đường L, Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 12 năm 2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Quế A

sinh năm 198x

Chị Nguyễn Thị Thu B

sinh năm 198x

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị B cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nhất trí cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên xác nhận có 03 con chung:

Nguyễn Quế Hiền C, sinh năm 200x;

Nguyễn Phương D, sinh năm 201x;

Nguyễn Quế E, sinh năm 201x.

Hiện tại sức khỏe con chung bình thường, phát triển tốt.

Hai bên thống nhất giao cháu C cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu D và E cho anh A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Hai bên có quyền qua lại, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên thống nhất thỏa thuận không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản và nhà ở chung: Hai bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nền Tọa án không xét.

2.5. Về nợ chung: Hai bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nền Tòa án không xét

2.6. Về lệ phí: Anh A tự nguyện chịu toàn bộ là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí anh Nguyễn đã nộp tại biên lai số AA/2019/000xxxx ngày 26 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã K, huyện H, thành phố H; (Giấy chứng nhận kết hôn số 8x, quyền số 0x/200x, năm 200x)
- Chi cục thi hành án quận H
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM XUÂN THỦY

